

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa 05 năm, giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2863/TTr-SKHCN ngày 30/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa 05 năm, giai đoạn 2026-2030” (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế “2 con số”, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Thanh Hóa.

Cơ chế, chính sách được hoàn thiện, phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và hạ tầng dữ liệu phát triển hiện đại, đồng bộ; nhân lực chất lượng cao được tăng cường trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược; từng bước làm chủ, phát triển và ứng dụng các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia. Hệ thống đổi mới sáng tạo được phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập; liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân được tăng cường; hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thúc đẩy; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh khu vực, từng bước vươn ra thị trường toàn cầu.

1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 55% trở lên.
- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 50% trở lên.
- Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 12 người trên một vạn dân trở lên.

- Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trung bình của cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trở lên trong tổng số doanh nghiệp.

- Tỷ lệ ngân sách địa phương cho nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương.

- Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt tối thiểu 2% GDP, trong đó nguồn ngoài ngân sách nhà nước chiếm trên 60%.

- 100% nhiệm vụ KH,CN&ĐMST triển khai theo định hướng đặt hàng, có cam kết đầu ra và cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.

- Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu; hình thành và vận hành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh với đầy đủ các thành phần: doanh nghiệp - viện, trường - tổ chức trung gian - cơ quan quản lý nhà nước.

- Phát triển tối thiểu 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hình thành đội ngũ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có năng lực cạnh tranh khu vực; hỗ trợ ươm tạo tối thiểu 02 doanh nghiệp công nghệ cao trở lên.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng bình quân 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân 16% - 18%/năm. Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8% - 10% số văn bằng bảo hộ được cấp.

- Làm chủ và sản xuất trong nước một số sản phẩm công nghệ chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa đạt tối thiểu 30%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nhằm nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của KH,CN&ĐMST trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tập trung phổ biến thành tựu, kiến thức KH,CN&ĐMST và nhân rộng các kết quả nghiên cứu có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất, đời sống. Tăng cường truyền thông đa phương tiện, kết hợp kênh truyền thống (báo in, phát thanh, truyền hình) với kênh hiện đại (nền tảng số, mạng xã

hội, công thông tin điện tử, ứng dụng di động) để tiếp cận hiệu quả đến mọi tầng lớp Nhân dân.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy tụ các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các công ty công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm lan toả tinh thần nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; tinh thần sẵn sàng tiên phong, chủ động sáng tạo, chấp nhận rủi ro trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách mới để tạo sự bứt phá, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh

2.1. Rà soát, hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và quy định hiện hành của pháp luật:

- Ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo hướng đặt hàng, cam kết đầu ra và đánh giá sau nghiệm thu, bảo đảm nhiệm vụ gắn với “bài toán phát triển” cụ thể, có địa chỉ ứng dụng và tiêu chí đánh giá rõ ràng;

- Hoàn thiện quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo hướng linh hoạt, phù hợp đặc thù nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2.2. Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong việc thực hiện nhiệm vụ KH&ĐMST. Tăng cường liên kết giữa tổ chức KH&ĐMST với doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thực hiện tốt chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp gắn kết với các Viện, Trường để đưa nhanh kết quả nghiên cứu KH&ĐMST vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.

2.3. Đổi mới cơ chế thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tập trung nguồn lực xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các lĩnh vực có sức lan tỏa lớn theo các tiêu chí tại Phụ lục I và Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

- Triển khai việc đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các bài toán lớn, gắn với mục tiêu, nhu cầu thực tiễn của ngành, lĩnh vực địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với công nghệ chiến lược; các chương trình, dự án quy mô lớn, có sản phẩm cụ thể, địa chỉ ứng dụng và sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường; giao trực tiếp đối với nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ công nghệ chiến lược; đặt

hàng có doanh nghiệp cùng tài trợ đối với nhiệm vụ ứng dụng. Triển khai tài trợ cạnh tranh đối với nghiên cứu nền tảng. Khuyến khích thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chuyển sang cơ chế hậu kiểm; xây dựng tiêu chí đánh giá đầu ra và tác động. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với phân bổ ngân sách, xếp hạng tổ chức và trách nhiệm giải trình.

2.4. Phát triển môi trường thử nghiệm, hoàn thiện cơ chế tạo cầu thị trường khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với một số lĩnh vực công nghệ mới; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

- Thành lập và vận hành Công ty Cổ phần Quỹ đầu tư mạo hiểm; Công ty Cổ phần Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh; Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai sàn giao dịch khoa học, công nghệ, thiết bị.

2.5. Phát triển hệ thống dữ liệu và chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Triển khai hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, cho phép doanh nghiệp, xã hội tiếp cận, khai thác; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá và hỗ trợ phân bổ nguồn lực.

3. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

3.1. Định hướng cơ cấu chi, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc phân bổ

Phân bổ ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn phát triển với các định hướng như sau:

- Tập trung bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, bảo đảm tối thiểu 15% trong tổng chi sự nghiệp khoa học.

- Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu thực tiễn. Đồng thời, bảo đảm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng; đồng thời, khuyến khích đổi mới quản trị và quy trình, thử nghiệm công nghệ, tăng cường đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp dùng công nghệ mới qua hình thức phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

3.2. Thực hiện mô hình “ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư”:

- Ngân sách nhà nước của tỉnh tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm đổi mới sáng tạo địa phương, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện đầu tư theo sản phẩm, cùng đầu tư với doanh nghiệp, gắn với khả năng thương mại hóa. Áp dụng linh hoạt các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; tăng cường giám sát, đánh giá theo kết quả và tác động thực tiễn.

- Khuyến khích hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh nhằm tăng kinh phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật; tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường.

- Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, chương trình mục tiêu, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không chồng chéo, không cấp vốn trùng lặp cho cùng một mục tiêu, tăng tỷ lệ vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa cao; thúc đẩy các chương trình, nhiệm vụ được tài trợ, đầu tư từ các nguồn khác nhau, cùng chia sẻ rủi ro và chia sẻ lợi ích theo quy định hiện hành của pháp luật

4. Phát triển hoàn thiện hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai các dự án hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số và sản phẩm công nghệ số trọng điểm; ưu tiên xây dựng khu, trung tâm quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt tại các vùng kinh tế trọng điểm. Khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường tham gia đầu tư, vận hành theo hướng dùng chung, kết nối, phục vụ hiệu quả nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ.

- Khuyến khích phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển tại các khu công nghiệp công nghệ cao; cơ sở ươm tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ và không gian đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế ngành, vùng, địa phương, chuỗi giá trị doanh nghiệp.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, không gian làm việc chung, vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của địa phương.

- Sắp xếp lại hệ thống tổ chức KHCN và ĐMST phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức KHCN và ĐMST công lập thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến 2040. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KHCN và ĐMST.

- Xây dựng, triển khai hệ thống thống kê về KHCN và ĐMST trên địa bàn tỉnh, ứng dụng công nghệ số trong thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ công cụ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp; triển khai đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, giải mã và làm chủ công nghệ.

5. Phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu thị trường, nhất là trong các lĩnh vực AI, dữ liệu số, điện tử - bán dẫn, tự động hóa và công nghệ sinh học.

- Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả tổng công trình sư, chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

6. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo; Quỹ Đầu tư mạo hiểm tỉnh Thanh Hóa; Sàn giao dịch khoa học, công nghệ - Thiết bị nhằm đẩy mạnh mô hình hợp tác “ba nhà” trong phát triển sản phẩm công nghệ, doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt và cùng đầu tư với Nhà nước; gắn với kế hoạch thương mại hóa, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà trường (Viện nghiên cứu) đóng vai trò hạt nhân tri thức, chủ động nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo nhân lực và kết nối chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả: (1) Kế hoạch phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ giai đoạn 2026-2030; (2) Kế hoạch phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026-2030; (3) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ.

- Tổ chức đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp; triển khai đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, giải mã và làm chủ công nghệ.

7. Tăng cường hội nhập, hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về KH,CN&ĐMST để các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ trong và ngoài tỉnh có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, hợp tác nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng, phát triển KH,CN&ĐMST.

- Thúc đẩy hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong phát triển KH,CN&ĐMST tạo phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ và thu hút các nguồn lực bên ngoài tăng cường năng lực công nghệ nội tại, phục vụ phát triển phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (KNST): tuyên truyền - truyền thông định hướng nhận thức về ĐMST, KNST, các mô hình KNST, ĐMST điển hình; Tổ chức các diễn đàn, sự kiện cấp tỉnh, cấp vùng về KN&ĐMST tại địa phương; chủ động tích cực tham gia mạng lưới ĐMST quốc gia.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường:

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này; phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện đối với từng nhiệm vụ, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để được xem xét, giải quyết.

- Hằng năm, căn cứ tiêu chí tại Phụ lục I và Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này và tình hình thực tế của địa phương, chủ động đề xuất nhiệm vụ KHCN và ĐMST, đặc biệt là các bài toán lớn nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt danh mục làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở các nội dung, nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này, đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, đơn vị đầu mối có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

Phụ lục I
TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026 -2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tiêu chí/Nhóm tiêu chí
1	Giải quyết bài toán lớn của quốc gia, ngành, vùng, địa phương hoặc doanh nghiệp; phù hợp mục tiêu tăng trưởng, năng suất; phù hợp mục tiêu, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; mục tiêu, chiến lược, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và các chiến lược ngành, lĩnh vực liên quan.
2	Có tác động lan tỏa mạnh đến tăng trưởng, năng suất, năng lực cạnh tranh, quản trị quốc gia, phát triển bền vững, khả năng chống chịu của nền kinh tế.
3	Có sản phẩm đầu ra rõ ràng, đo lường được, có địa chỉ ứng dụng, cơ quan tiếp nhận, lộ trình triển khai đến 2028 và 2030.
4	Có doanh nghiệp tham gia, cùng chủ trì, cùng tài trợ hoặc đối ứng; có cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa và thị trường (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
5	Có khả năng tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược; có đóng góp cho nội địa hóa, thay thế nhập khẩu hoặc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
6	Có khả năng ứng dụng, thương mại hóa, mở rộng quy mô, tạo ngành, tạo thị trường hoặc nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
7	Có tính liên ngành, liên vùng; có thể sử dụng chung hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, phòng thí nghiệm hoặc hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
8	Có tính khả thi cao về nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và quản trị rủi ro; có mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đánh giá gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, bảo đảm đánh giá được kết quả, hiệu quả, tác động.
9	Không trùng lặp với chương trình, nhiệm vụ, dự án đã có; không vượt quá phạm vi, thẩm quyền hoặc giai đoạn 2026 - 2030 nếu chưa được phân kỳ rõ ràng.
10	Ưu tiên đối với chương trình, nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến TFP, xuất khẩu công nghệ cao, năng suất doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hình thành doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt.

Phụ lục II
KHUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nhóm chương trình	Nội dung trọng tâm
1	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển nghiên cứu cơ bản.	Kết hợp tìm kiếm tri thức mới với đào tạo nhân lực trình độ cao, phát hiện nhân tài; tạo nền tảng cho việc tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và công nghệ số; cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội trọng điểm tỉnh.	Hướng tới làm chủ và phát triển các công nghệ cao, gắn với nhu cầu thực tiễn, phục vụ phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh; cung cấp luận cứ khoa học cho hoàn thiện thể chế, quản trị địa phương, phát triển văn hóa - xã hội trong bối cảnh mới.
3	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương, doanh nghiệp.	Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương gắn với lợi thế của địa phương và vùng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp gắn với nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp, tham gia tích cực trong việc giải quyết các nhiệm vụ công nghiệp chiến lược.
4	Các chương trình đổi mới sáng tạo.	Hỗ trợ doanh nghiệp, địa phương đổi mới công nghệ, đổi mới dây chuyền, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, nâng cấp sản xuất, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng nội địa hóa và tham gia chuỗi cung ứng; ưu tiên dự án có vốn đối ứng; thúc đẩy khai thác, định giá, thương mại hóa tài sản trí tuệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào doanh nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh, sản phẩm chiến lược và địa phương có khả năng trở thành cực đổi mới sáng tạo.

5	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Phát triển nguồn nhân lực, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: Phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm kỹ thuật, cơ sở thử nghiệm - kiểm định - đo lường - chất lượng và các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung, nền tảng số, hạ tầng số.
6	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quốc phòng, an ninh	Phát triển toàn diện tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh.

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH THANH HÓA 05 NĂM, GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi/thực hiện	Cơ quan phối hợp
1	Đóng góp của TFP (năng suất các nhân tố tổng hợp) vào tăng trưởng kinh tế	%	49	>55	Sở Tài Chính	Sở KH&CN, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
2	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%	>45	≥50	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
3	Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	%GDP	≥1,5	≥2,0	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
4	Tỷ lệ nguồn ngoài ngân sách nhà nước trên tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	%	60	>60	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
5	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	%	3	≥ 3 và tăng dần	Sở Tài chính	Sở KH&CN, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
6	Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian)	Người/Vạn dân	9,5	12	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
7	Tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược	%	≥ 20	25	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

8	Số lượt công bố khoa học quốc tế tăng bình quân	%/năm	10	10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
9	Số đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân	%/năm	10	16 - 18	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
10	Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số văn bằng bảo hộ được cấp.	%	8	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
11	Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương	Thứ bậc	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
12	Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo được hình thành	Trung tâm	06	08	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
13	Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	Thứ bậc	Nhóm 13 tỉnh dẫn đầu cả nước	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
14	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ	Doanh nghiệp	54	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
15	Số doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, sáng tạo được hỗ trợ	Doanh nghiệp	70	120	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
16	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	30	40	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
17	Tỷ lệ làm chủ nhóm công nghệ chiến lược của tỉnh	%	50	70	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
18	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được thương mại hóa	%	25	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo				
1.1	Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nhằm nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Hội nghị	Thường xuyên
1.2	Xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của KH,CN&ĐMST trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; các văn bản chỉ đạo	Thường xuyên
1.3	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Chương trình	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2.	Xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách mới để tạo sự bứt phá, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo				
2.1	Ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo hướng đặt hàng, cam kết đầu ra và đánh giá sau nghiệm thu, bảo đảm nhiệm vụ gắn với “bài toán phát triển” cụ thể, có địa chỉ ứng dụng và tiêu chí đánh giá rõ ràng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Tư pháp và các đơn vị có liên quan	Quy định được UBND tỉnh ban hành	Năm 2026
2.2	Hoàn thiện quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo hướng linh hoạt, phù hợp đặc thù nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Tư pháp và các đơn vị có liên quan	Quy định được UBND tỉnh ban hành	Năm 2026
2.3.	Xây dựng Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các tiêu chí tại Phụ lục I và Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục II.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai	Hàng năm
2.4	Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với bài toán lớn, công nghệ chiến lược và các định hướng ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Danh mục nhiệm vụ đặt hàng hằng năm	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2.5	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với một số lĩnh vực công nghệ mới; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước - Nhà trường -Doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành các đơn vị có liên quan	Văn bản đề xuất, triển khai của UBND tỉnh	Hàng năm
2.6	Tham mưu triển khai chính sách đặc thù về đầu tư, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số.	Sở Tài chính	Các sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, các ngành và đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai khi Trung ương ban hành chính sách	Giai đoạn 2026-2030
2.7	Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học - công nghệ, đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (*)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tư pháp, Tài chính, các ngành và đơn vị có liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý III năm 2026
2.7	Đề án thành lập Công ty Cổ phần Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp và các đơn vị có liên quan	Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quý III Năm 2026
2.8	Đề án thành lập Công ty Cổ phần Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp và các đơn vị có liên quan	Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quý III Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2.9	Triển khai hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã phường và các đơn vị có liên quan	Hội nghị tập huấn và các văn bản triển khai	Quý II-IV năm 2026
2.10	Thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, các ngành và đơn vị có liên quan	Đề án thành lập Quỹ được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quý IV năm 2026
2.11	Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn gắn mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Công Thương, Tài chính và các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt lộ trình của UBND tỉnh	Năm 2027
3.	Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước				
3.1.	Phân bổ ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường	Văn bản triển khai theo quy định	Hàng năm
4	Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo				
4.1.	Đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hoá hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Tài chính, Công Thương và các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tháng 11 /2026
4.2	Triển khai vận hành sàn giao dịch khoa học, công nghệ - Thiết bị <i>(định hướng hoạt động theo mô hình hợp tác công tư)</i>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai thực hiện	Quý IV năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
4.3	Nâng cấp sàn thương mại điện tử cấp tỉnh sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế (<i>định hướng hoạt động theo mô hình hợp tác công tư</i>)	Sở Công Thương	Các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quý I năm 2027
4.4	Dự án: Xây dựng không gian đổi mới sáng tạo tại trường Đại học Hồng Đức	Trường Đại học Hồng Đức	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt Dự án	Tháng 3/2027
4.5	Đề án phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức	Trường Đại học Hồng Đức	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt Đề án	Tháng 11/2026
4.6	Sắp xếp lại hệ thống tổ chức KHCN và ĐMST phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức KHCN và ĐMST công lập thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến 2040. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KHCN và ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Năm 2027
4.7	Triển khai hệ thống thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, ứng dụng công nghệ số trong thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh và các đơn vị có liên quan	Hệ thống được đưa vào vận hành	Năm 2027
4.8	Xây dựng, hoàn thiện bộ công cụ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan	Bộ công cụ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Năm 2027

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5	Phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo				
5.1	Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả tổng công trình sư, chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai	Giai đoạn 2026-2030
5.2	Đề án đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Trường Đại học Hồng Đức	Các sở: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan	Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quý III năm 2026
5.3	Bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường	Các sở: Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Nội vụ để tổng hợp).	Thường xuyên
5.4	Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu thị trường, nhất là trong các lĩnh vực AI, dữ liệu số, điện tử - bán dẫn, tự động hóa và công nghệ sinh học	Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các sở: Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ và các đơn vị có liên quan	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Thường xuyên
6.	Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo				
6.1	Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ giai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Công Thương, Tài chính; UBND các xã,	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	đoạn 2026-2030.		phường; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan.		
6.2.	Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Công Thương, Tài chính; UBND các xã, phường; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Hàng năm
6.3	Thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và sáng chế: Hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, khai thác và thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích; bảo đảm đạt tối thiểu 18 sáng chế đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các trường, viện, doanh nghiệp; các sở ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan.	Số lượng sáng chế tăng tối thiểu 10%/năm; tỷ lệ thương mại hóa đạt tối thiểu 8%	Thường xuyên
6.4	Tổ chức triển khai đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Hàng năm
7.	Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.				
7.1.	Mở rộng hợp tác về chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ với các tỉnh, tổ chức đối tác có nền khoa học và công nghệ tiên tiến, giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức hợp tác, giao lưu, tiếp cận với tiến bộ khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Tăng cường hợp tác	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan.	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	với các nhà khoa học quốc tế hoạt động nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.				
7.2.	Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: tuyên truyền - truyền thông định hướng nhận thức về ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo (KNST), các mô hình KNST, ĐMST điển hình; Tổ chức các diễn đàn, sự kiện cấp tỉnh, cấp vùng về KNĐMST tại địa phương; Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo có tính nhận diện và lan tỏa; Chủ động tích cực tham gia mạng lưới ĐMST quốc gia và quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan	Tổ chức các sự kiện; sự ghi nhận, giới thiệu về Hệ sinh thái ĐMST địa phương trên các kênh truyền thông/MOU hợp tác với các thành phần trong Hệ sinh thái	Thường xuyên
7.3.	Tổ chức các hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Thường xuyên
7.4.	Đẩy mạnh hợp tác giữa doanh nghiệp và đội ngũ trí thức, giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở khoa học công nghệ; giữa các cơ sở khoa học công nghệ của Trung ương với tỉnh...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện	Thường xuyên